TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 18/4/2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các Thẩm phán: Bà **Trần Thị Thanh Tuyết**

Ông **Phạm Đình Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đào Thị Tuyết N**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn L1, xã C1, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.
- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Thôn L1, xã C1, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:
Ông **Phạm Thái H** – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thái H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Tuyết N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006 được Ủy ban nhân dân xã C1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 131/2006, quyển số 01, ngày 17/11/2006. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do anh T nhiều lần đánh đập chị, sự việc diễn ra trong thời gian dài, chị và anh T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh T đã ly thân từ ngày 01/7/2018. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/7/2011, các con đang sống chung với anh T. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 2006 đúng như chị N trình bày. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, kình cãi nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị N không còn quan tâm đến anh, nên anh T đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị N trình bày. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án sơ thẩm số 58/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/7/2011 cho chị Đào Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Đào Thị Tuyết N và anh Nguyễn Văn T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07 tháng 09 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung (cháu Nguyễn Xuân H và cháu Nguyễn Xuân C).

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu:

Về thủ tục dân sự phúc thẩm đã đảm bảo đúng quy định tại các Điều 277, Điều 283, Điều 285; Điều 292 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đào Thị Tuyết N tự nguyện thỏa thuận về việc giao hai con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 và cháu Nguyến Xuân C, sinh ngày 17/7/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án sơ thẩm; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung; giao hai cháu Nguyễn Xuân H và cháu Nguyễn Xuân C cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Văn T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu là cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/7/2011 và cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 .

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày: Hiện tại cháu H và cháu C đều đang ở với anh và do anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh có đủ điều kiện để chăm lo cho các con nên không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Chị Đào Thị Tuyết Nga trình bày: Mặc dù, ở giai đoạn sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện C đã xét xử và quyết định giao cháu Nguyễn Xuân C cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Xuân H cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, nhưng nay ở phiên tòa phúc thẩm anh T yêu cầu nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Xuân H và cháu Nguyễn Xuân C. Chị cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Xuân H và cháu Nguyễn Xuân C cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh T và gia đình anh T không được ngăn cấm việc chị thăm nom, chăm sóc các con.

Xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc người trực tiếp nuôi con. Sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức của xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận.

Vì vậy, giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/7/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Chị Đào Thị Tuyết N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, nên giữ nguyên và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 58/HNGĐ-ST ngày 05-9-2018 của Toà án nhân dân huyện C về phần nuôi con.

Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn chị Đào Thị Tuyết N và bị đơn anh Nguyễn Văn T về nuôi con.

Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 16/3/2007 và cháu Nguyễn Xuân C, sinh ngày 17/7/2011 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Chị Đào Thị Tuyết N tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đào Thị Tuyết N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của luật Hôn nhân và gia đình; chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn lại 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0004508 ngày 19/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Phượng